TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 53/2026/QĐST-HNGĐ

Thanh Hóa, ngày 21 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 88/2026/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2026, giữa:

* *Nguyên đơn*: chị Trương Thị H, sinh năm 1980;

Căn cước công dân: 038180020784

Địa chỉ: thôn L, xã C, tỉnh Thanh Hóa.

* *Bị đơn*: anh Lưu Văn H1, sinh năm 1978;

Căn cước công dân: 038078023108.

Địa chỉ: thôn K, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

- Căn cứ Điều 212 và Điều 213; khoản 3, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51; 55; 57 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 6; khoản 3 Điều 12; khoản 3 Điều 13; điểm a khoản 5 Điều 27; khoản 6 Điều 19 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13/4/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận, thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn, chị trương Thị H và bị đơn, anh Lưu Văn H1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về hôn nhân:* chị Trương Thị H và anh Lưu Văn H1 đều có ý kiến chung và cùng thống nhất, thuận tình ly hôn.

* *Về con chung:* chị Trương Thị H và anh Lưu Văn H1 đều có ý kiến chung và cùng thống nhất; vợ chồng có 01 con chung, tên là Lưu Trọng H2 (giới tính: Nam), sinh ngày 07/5/1999; hiện nay cháu H2 đã trưởng thành và tự lập được, nên chị H và anh H1 đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

* *Về tài sản, công nợ chung và các nghĩa vụ khác*: chị Trương Thị H và anh Lưu Văn H1 đều có ý kiến chung và cùng thống nhất, vợ chồng tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

* *Về án phí:* chị Trương Thị H và anh Lưu Văn H1 đều có ý kiến chung thống nhất, thỏa thuận; chị Trương Thị H chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*); nhưng chị H đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, ký hiệu BLTU/26E, số 0002421, ngày 01/4/2026; trả lại cho chị Trương Thị H 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí.

Anh Lưu Văn H1 không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND KV7, tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Cẩm Tân, tỉnh Thanh Hóa.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Xuân Sơn